

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị (đối với đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V bao gồm nội dung lồng ghép chương trình phát triển từng đô thị) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Thông tư số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21 tháng 11 năm 2013 Thông tư liên tịch của Bộ Xây dựng và Bộ Nội vụ hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng vùng tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3232/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Sóc Trăng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1633/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Đề cương lập Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị (đối với đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V bao gồm nội dung lồng ghép chương trình phát triển từng đô thị) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Sóc Trăng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị (đối với đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V bao gồm nội dung lồng ghép chương trình phát triển từng đô thị) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, với những nội dung sau:

I. TÊN HỒ SƠ

Hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị (đối với đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V bao gồm nội dung lồng ghép chương trình phát triển từng đô thị) trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

II. PHẠM VI, RANH GIỚI VÀ QUY MÔ DIỆN TÍCH

Phạm vi, ranh giới và quy mô nghiên cứu trên phạm vi, ranh giới và quy mô của các đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị (bao gồm điều chỉnh), gồm 16 đô thị, cụ thể như sau:

1. Đô thị thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 27/3/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo quy hoạch khoảng 362ha, chia thành 03 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 146,36ha; khu 02 khoảng 129,15ha; khu 03 khoảng 86,49ha.

2. Đô thị trung tâm xã Phú Tâm, huyện Châu Thành:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới trung tâm xã theo đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Phú Tâm được phê duyệt tại Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 09/3/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo quy hoạch trung tâm xã khoảng 101,61ha, chia thành 02 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 59,14ha; khu 02 khoảng 42,47ha.

3. Đô thị thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cù Lao Dung được phê duyệt tại Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 737,77ha, chia thành 02 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 317,93ha; khu 02 khoảng 421,84ha.

4. Đô thị thị trấn Kế Sách, huyện Kế Sách:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kế Sách được phê duyệt tại Quyết định số 1847/QĐ-UBND ngày 10/7/2020 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 497,5ha, Chia thành 04 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 125,23ha; khu 02 khoảng 85,12ha; khu 03 khoảng 138,34ha; khu 04 khoảng 148,81ha.

5. Đô thị thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách đến năm 2030 được phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 8/8/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 2.014,95ha, chia thành 04 khu vực phát triển đô thị: Khu số 01 khoảng 299,18ha; khu số 02 khoảng 279,32ha; khu số 03 khoảng 1.095,73ha; khu số 04 khoảng 340,72ha.

6. Đô thị thị trấn Long Phú, huyện Long Phú:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Long Phú, huyện Long Phú được phê duyệt tại Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 532,36ha, chia thành 02 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 215,78ha; khu 02 khoảng 316,59ha.

7. Đô thị thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh, mở rộng Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Đại Ngãi, huyện Long Phú được phê duyệt tại Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 2.454,0ha, chia thành 03 khu vực phát triển đô thị: Khu số 01 khoảng 958,92ha; khu số 02 khoảng 814,79ha; khu số 03 khoảng 680,57ha.

8. Đô thị trung tâm xã Trường Khánh, huyện Long Phú:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới trung tâm xã theo đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Trường Khánh. Đô thị xã Trường Khánh, huyện Long Phú được Công nhận đô thị loại V tại Quyết định số 139/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo quy hoạch trung tâm xã khoảng 50,41ha, chia thành 02 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 30,53ha; khu 02 khoảng 19,88ha.

9. Đô thị thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, huyện Mỹ Tú được phê duyệt tại Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 306,29ha, chia thành 03 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 118,33ha; khu 02 khoảng 85,49ha; khu 03 khoảng 102,47ha.

10. Đô thị trung tâm xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới trung tâm xã theo đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Long Hưng. Đô thị xã Long Hưng, huyện Mỹ Tú được Công nhận đô thị loại V tại Quyết định số 138/QĐ-UBND ngày 08/8/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo quy hoạch trung tâm xã khoảng 100,0ha, chia thành 02 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 65,25ha; khu 02 khoảng 37,75ha.

11. Đô thị thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Quy hoạch phân khu thị trấn Mỹ Xuyên, huyện Mỹ Xuyên được phê duyệt tại Quyết định số 3785/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 1.495,11ha, chia thành 02 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 628,85ha; khu 02 khoảng 866,26ha.

12. Đô thị trung tâm xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới trung tâm xã theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên được phê duyệt tại Quyết định số 117/QĐHC-CTUBND ngày 30/01/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Quy mô theo quy hoạch trung tâm xã khoảng 204,85ha, chia thành 02 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 81,44ha; khu 02 khoảng 123,41ha.

13. Đô thị thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 1178/QĐ-UBND ngày 18/5/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 327,00ha, chia thành 02 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 205,84ha; khu 02 khoảng 121,16ha.

14. Đô thị thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Hưng lợi, huyện Thạnh Trị đến năm 2030 được phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch tại Quyết định số 2088/QĐ-UBND 21/8/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 1.956,60ha, chia thành 02 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 805,18ha; khu 02 khoảng 1.150,82ha.

15. Đô thị thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Trần Đề, huyện Trần Đề đến năm 2030 được phê duyệt tại Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 1.450ha, chia ra thành 03 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 718,34ha; khu 02 khoảng 416,08ha; khu 03 khoảng 340,10ha.

16. Đô thị thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề:

- Phạm vi, ranh giới: Bao gồm toàn bộ ranh giới theo đồ án Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Lịch Hội Thượng, huyện Trần Đề đến năm 2030 được phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch tại Quyết định số 707/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

- Quy mô theo điều chỉnh quy hoạch khoảng 149,11ha, chia thành 03 khu vực phát triển đô thị: Khu 01 khoảng 53,28ha; khu 02 khoảng 42,41ha; khu 03 khoảng 53,42ha.

III. NGUỒN VỐN VÀ NGUỒN LỰC ĐẦU TƯ

1. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn Nhà nước: Ngân sách trung ương và địa phương; vốn nhà nước ngoài ngân sách (tùy thuộc vào phân bổ hàng năm và giai đoạn, UBND huyện căn cứ nguồn vốn nêu trên, điều chỉnh danh mục thực hiện các dự án cho phù hợp với kế hoạch vốn).

- Vốn khác: Xã hội hóa, kêu gọi đầu tư,... (căn cứ danh mục các dự án kêu gọi đầu tư, tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương và nhu cầu đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh, UBND huyện tổng hợp đề xuất tăng hoặc giảm dự án theo kế hoạch từng năm và giai đoạn cho phù hợp).

2. Các nguồn lực đầu tư phát triển đô thị và giải pháp

- Nguồn vốn để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị gồm: Nguồn vốn nhà nước, vốn của các nhà đầu tư và nguồn vốn hợp pháp khác. Tập trung xã hội hóa một số ngành, lĩnh vực như: giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, du lịch và huy động sự tham gia của cộng đồng trong xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị, nhất là các dự án đường giao thông, thoát nước, vệ sinh môi trường, nhà ở...

- Cơ quan nhà nước đóng vai trò quản lý, tạo điều kiện thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị; mở rộng lĩnh vực và danh mục dự án đầu tư theo hình thức hợp tác công tư (PPP). Nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch (xây dựng và đô thị), thường xuyên rà soát, điều chỉnh quy hoạch cho phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, phát triển không gian kiến trúc cảnh quan đô thị, quy hoạch và thực tiễn phát triển.

IV. HÌNH THỨC QUẢN LÝ

- Tùy theo thể loại công trình, dự án, UBND huyện phân công Phòng, ban chuyên môn thuộc huyện để quản lý triển khai các dự án trong khu vực phát triển đô thị.

- Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn tham mưu cho UBND tỉnh về việc kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện khu vực phát triển đô thị của các địa phương.

(Chi tiết theo hồ sơ đề xuất khu vực phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Kế hoạch di dời, tái định cư

UBND huyện tổ chức xây dựng kế hoạch giải phóng mặt bằng, di dời tái định cư (nếu có) và thực hiện các công việc liên quan theo quy định; tổ chức triển khai các dự án hạ tầng kỹ thuật khung đô thị và các dự án phát triển đô thị trong khu vực đô thị.

2. Kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng các dự án

- Tùy theo tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và nhu cầu tìm hiểu đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. UBND huyện chỉ đạo các

phòng chuyên môn trực thuộc rà soát, điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch theo từng năm và giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu đầu tư và đảm bảo cho công tác đầu tư và phát triển đô thị không bị gián đoạn.

- Trường hợp vượt quy mô, kế hoạch của toàn giai đoạn, UBND huyện báo cáo Sở Xây dựng tổng hợp, trình UBND tỉnh điều chỉnh trước khi triển khai thực hiện.

- Hàng năm, UBND huyện tổng hợp tình hình triển khai thực hiện các dự án trong khu vực phát triển đô thị tại địa phương mình quản lý, thông qua Sở Xây dựng báo cáo UBND tỉnh.

- Thực hiện các thủ tục đầu tư xây dựng đảm bảo trình tự, thủ tục theo Luật Quy hoạch đô thị, Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị và các quy định hiện hành có liên quan khác.

- Khi triển khai các tuyến đường giao thông trong khu vực đô thị, các địa phương thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1528/UBND-KT ngày 10/9/2020 về việc thực hiện các công việc liên quan đến thu hồi đất hai bên đường đối với các dự án ngành giao thông tại khu vực đô thị.

3. Sở Xây dựng có trách nhiệm: Phối hợp UBND các huyện có đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V trong việc triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng các dự án trong các Khu vực phát triển đô thị đã được phê duyệt theo đúng trình tự, thủ tục hiện hành; quản lý, giám sát, phối hợp trong việc triển khai kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị; định kỳ hằng năm rà soát, tổng hợp báo cáo UBND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Xây dựng, Sở Tài chính, Chủ tịch UBND các huyện, tỉnh Sóc Trăng; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *lsh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, XD, VX, KT, TH. *lsh*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Hoàng Nghiệp



THỜI HẠN THỰC HIỆN DỰ KIẾN
(Kèm theo Quyết định số 406/VQĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

1. Huyện Châu Thành:

1.1. Thị trấn Châu Thành:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	11	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	08	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	11	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	06	1,0 - 10,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	13	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	16	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	18	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	12	1,0 - 10,0

1.2. Xã Phú Tâm:

TT	Tên dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2021 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	05	0,1 - 1,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	03	3,0 - 7,0
3	Các công trình Hạ tầng nhà ở	04	1,0 - 10,0
4	Các công trình TM - DV	02	1,0 - 4,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	04	0,1 - 1,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	07	3,0 - 7,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	06	1,0 - 10,0
4	Các công trình TM - DV	04	1,0 - 4,0

2. Huyện Cù Lao Dung:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	06	0,4 - 12,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	08	2,0 - 16,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	06	1,0 - 12,0
4	Các công trình TM - DV	03	1,0 - 6,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	04	0,4 - 12,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	07	2,0 - 16,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	08	1,0 - 12,0
4	Các công trình TM - DV	05	1,0 - 6,0

3. Huyện Kế Sách:

3.1. Thị trấn Kế Sách:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	08	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	12	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	10	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	06	1,0 - 10,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	09	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	19	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	18	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	08	1,0 - 10,0

3.2. Thị trấn An Lạc Thôn:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	16	0,5 - 16,0

2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	12	2,0 - 20,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	11	1,0 - 16,0
4	Các công trình TM - DV	08	1,0 - 10,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	08	0,4 - 16,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	16	2,0 - 20,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	10	1,0 - 16,0
4	Các công trình TM - DV	07	1,0 - 10,0

4. Huyện Long Phú:

4.1. Thị trấn Long Phú:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	09	0,4 - 12,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	10	2,0 - 16,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	08	1,0 - 12,0
4	Các công trình TM - DV	04	1,0 - 6,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	07	0,4 - 12,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	06	2,0 - 16,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	08	1,0 - 12,0
4	Các công trình TM - DV	05	1,0 - 6,0

4.2. Thị trấn Đại Ngãi:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	08	0,5 - 16,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	12	2,0 - 20,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	12	1,0 - 12,0
4	Các công trình TM - DV	07	1,0 - 6,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	08	0,4 - 16,0

2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	08	2,0 - 20,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	08	1,0 - 12,0
4	Các công trình TM - DV	06	1,0 - 6,0

4.3. Xã Trường Khánh:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2021 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	05	0,1-1,06
a	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm y tế xã	01	0,17
b	Nhà văn hóa xã	01	0,1
c	Các công trình hạ tầng xã hội khác được nâng cấp, mở rộng và đầu tư xây dựng theo nhu cầu phát triển tại địa phương	03	0,4-1,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	05	0,19 - 7,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	04	0.78- 5,5
4	Các công trình TM - DV	02	0,1 - 0,2
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	03	0,17-1,2
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	04	0,1 - 9,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	04	1,0 -7,35

5. Huyện Mỹ Tú:

5.1. Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	08	0,4 - 6,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	10	2,0 - 18,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	06	1,0 - 10,0
4	Các công trình TM - DV	05	1,0 - 5,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	09	0,4 - 6,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	09	2,0 - 18,0

3	Các công trình hạ tầng nhà ở	07	1,0 - 10,0
4	Các công trình TM - DV	06	1,0 - 5,0

5.2. Xã Long Hưng:

TT	Tên dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2021 - 2025			
1	Các Công trình hạ tầng xã hội	05	0,1 - 1,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	04	3,0 - 7,0
3	Các công trình Hạ tầng nhà ở	04	1,0 - 10,0
4	Các công trình TM - DV	02	1,0 - 4,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các Công trình hạ tầng xã hội	04	0,1 - 1,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	06	3,0 - 7,0
3	Các công trình Hạ tầng nhà ở	05	1,0 - 10,0
4	Các công trình TM - DV	03	1,0 - 4,0

6. Huyện Mỹ Xuyên:

6.1. Thị trấn Mỹ Xuyên:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	08	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	07	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	10	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	06	1,0 - 10,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	10	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	11	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	08	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	10	1,0 - 10,0



6.2. Xã Thạnh Phú:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	05	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	06	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	06	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	04	1,0 - 10,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	04	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	08	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	06	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	06	1,0 - 10,0

7. Huyện Thạnh Trị:**7.1. Thị trấn Phú Lộc:**

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	08	0,4 - 7,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	12	1,6 - 16,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	12	0,6 - 9,0
4	Các công trình TM - DV	06	0,6 - 4,9
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	06	0,4 - 7,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	12	1,6 - 16,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	14	0,6 - 9,0
4	Các công trình TM - DV	06	0,6 - 4,9

7.2. Thị trấn Hưng Lợi:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	06	0,4 - 16,0

2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	08	2,0 - 18,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	08	1,0 - 12,0
4	Các công trình TM - DV	04	1,0 - 9,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	10	0,4 - 16,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	09	2,0 - 18,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	10	1,0 - 12,0
4	Các công trình TM - DV	06	1,0 - 9,0

8. Huyện Trần Đề:

8.1. Thị trấn Trần Đề:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	12	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	11	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	12	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	08	1,0 - 10,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	14	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	15	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	18	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	12	1,0 - 10,0

8.2. Thị trấn Lịch Hội Thượng:

TT	Loại dự án phát triển đô thị	Số lượng công trình	Quy mô (ha)
I. Giai đoạn 2020 - 2025			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	06	0,4 - 9,0
2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	08	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	08	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	05	1,0 - 10,0
II. Giai đoạn 2026 - 2030			
1	Các công trình hạ tầng xã hội	08	0,4 - 9,0

2	Các công trình hạ tầng kỹ thuật	10	2,0 - 17,0
3	Các công trình hạ tầng nhà ở	09	1,0 - 20,0
4	Các công trình TM - DV	10	1,0 - 10,0

- Các công trình hạ tầng kỹ thuật: Bao gồm các công trình cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường hiện hữu và các tuyến đường xây dựng mới. Kết hợp đầu tư đồng bộ hạ tầng (giao thông, cấp điện, cấp thoát nước...). Các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật (bến bãi đường bộ, đường thủy, trạm cấp nước, trạm xử lý nước thải...).

- Diện tích thực hiện các tuyến đường giao thông mở mới có tính đến thu hồi đất 02 bên đường nhằm tạo quỹ đất để đầu tư nguồn thu nhằm phát triển đô thị của địa phương.

- Các công trình hạ tầng nhà ở bao gồm: Các dự án khu đô thị mới, các dự án nhà ở thương mại, các dự án nhà ở xã hội, các dự án nhà ở tái định cư và các dự án hỗn hợp khác có bố trí nhà ở.../.